

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày 22/5/2020, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D, sinh năm 1980; nơi cư trú: tại thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa ký kết khế ước vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo số: 6600000717853601. Số tiền được giải ngân 01 lần, số tiền vay 80 triệu, hạn trả nợ: 22/5/2024, mục đích vay: chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất: 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay. Thoả thuận cứ 12 háng trả gốc 01 lần, còn tiền lãi thì trả hàng tháng. Trong suốt quá trình vay vốn và đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng ông Phạm Đức D chỉ trả nợ được 16.294.873đ tiền lãi và 18.000.000đ tiền gốc. Ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 22/02/2023, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D ký kết khế ước vay vốn số: 6600000724980500, số tiền được giải ngân 01 lần, số tiền vay: 20 triệu đồng, hạn trả nợ: 22/02/2028, mục đích vay: nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất: 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay. Thoả thuận tiền gốc cứ 6 tháng trả 01 lần còn tiền lãi trả mỗi tháng. Quá trình vay vốn từ ngày 22/02/2023 đến ngày 11/5/2024, ông D đã thực hiện sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện trả lãi đến tháng 5/2024 đã trả được tiền lãi 2.237.272đ.

Tổng số nợ vay theo hai khế ước số 6600000717853601 và 6600000724980500 ông Phạm Đức D đã ký kết ước vay vốn với ngân hàng C1 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông D đã thực hiện trả nợ gốc và lãi vay đến tháng 5/2024 là 36.532.145đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi hai ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng (trong đó, nợ gốc là 18.000.000đ, lãi là 18.532.145đ).

Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả số tiền vay tạm tính đến ngày 17/6/2025 số tiền gốc là 82.000.000đ (T1 mười hai triệu đồng) và lãi tính là **7.808.531đ (Bảy triệu tám trăm lẻ tám ngàn năm trăm ba mươi một đồng).**

Đồng thời, thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/6/2025 cho đến khi trả hết số nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Phạm Đức D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu H nhưng ông D, bà H không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Đức D phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2025 là 91.057.950 đồng (trong đó nợ gốc: 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); nợ lãi 9.057.950đ (Chín triệu không trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đức D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu H đã bỏ đi khỏi địa phương vào cuối năm 2023 (Theo Biên bản xác minh tại Công an xã N ngày 03/01/2025). Tòa án tiến hành thủ tục theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự số 58/CV-TA ngày 14/02/2025. Thông báo tìm kiếm đã được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng là B các ngày 20, 21, 22 tháng 02 năm 2025; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 15 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 các ngày 22, 23, 24 tháng 02 năm 2025 và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh K. Đã hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo tìm kiếm ông D, bà H lần đầu tiên nhưng Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa không nhận được bất cứ thông tin nào và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Phạm Đức D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu H vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 22/5/2020, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D, sinh năm 1980; nơi cư trú: tại thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa ký kết khế ước vay vốn chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo số: 6600000717853601. Ngày 22/02/2023, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D ký kết khế ước vay vốn số: 6600000724980500.

Quá trình thực hiện vay tiền, do ông Phạm Đức D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng C1 khởi kiện ông D tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Ông Phạm Đức D là bị đơn có nơi cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 22/5/2020, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D, sinh năm 1980; nơi cư trú: tại thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa ký kết khế ước vay vốn chương trình cho vay hộ mới

thoát nghèo số: 6600000717853601. Đến ngày 22/02/2023, giữa Ngân hàng C1, phòng giao dịch thị xã C và ông Phạm Đức D ký kết khế ước vay vốn số: 6600000724980500.

Tổng số nợ vay theo hai khế ước số 6600000717853601 và 6600000724980500 ông Phạm Đức D đã ký khế ước vay vốn với ngân hàng C1 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Nội dung giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 20/5/2020 và ngày 20/02/2023 ký giữa Ngân hàng C1 và ông Phạm Đức D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ông D đã thực hiện trả nợ gốc và lãi vay đến tháng 5/2024 là 36.532.145đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi hai ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng (trong đó, nợ gốc là 18.000.000đ, lãi là 18.532.145đ).

Như vậy, ông Phạm Đức D không thực hiện trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Đức D phải thanh toán số nợ gốc và lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

Tổng số tiền ông Phạm Đức D còn nợ tiền vay của hai hợp đồng số 6600000717853601 và 6600000724980500 tạm tính đến ngày 17/6/2025 là 91.057.950 đồng (trong đó nợ gốc: 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); nợ lãi 9.057.950đ (Chín triệu không trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng số 6600000717853601 và 6600000724980500.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1 được chấp nhận nên chi phí mà nguyên đơn đã chi cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) thì bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C1 được chấp nhận, vì vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Phạm Đức D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Phạm Đức D phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/6/2025 là 91.057.950 đồng (Chín mươi một triệu không trăm năm mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi đồng) trong đó nợ gốc: 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng); nợ lãi 9.057.950đ (Chín triệu không trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng số 6600000717853601 và 6600000724980500.

2. Về án phí: Ông Phạm Đức D phải chịu 4.552.898đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai ngàn tám trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhất Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thiên Hoàng Nguyễn Thị Xuân Mai

Phạm Quốc Thịnh